

BÁO CÁO**tổng kết tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025**

Căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 (Chương trình số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026), Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Chương trình số 09-CTr/TU ngày 30/12/2025); để phục vụ xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

PHẦN I**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025****I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

Đã lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ) và các hướng dẫn của Trung ương để ban hành (bao gồm sửa đổi, bổ sung) các văn bản quy định cơ chế, chính sách về quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Trong đó, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 35 Nghị quyết¹, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 40 Quyết định², 30 Kế hoạch³ theo đúng quy trình, thủ tục, phù hợp với thực tiễn để triển khai trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025⁴. Ban Chỉ đạo đã ban hành

¹ Quảng Ngãi (cũ): 12 Nghị quyết, Kon Tum (cũ): 23 Nghị quyết.

² Quảng Ngãi (cũ): 20 Quyết định, Kon Tum (cũ): 20 Quyết định.

³ Quảng Ngãi (cũ): 07 Kế hoạch, Kon Tum (cũ): 23 Kế hoạch.

⁴ Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021

Quy chế hoạt động⁵, thường xuyên tổ chức họp để nghe và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Các thành viên Ban chỉ đạo được phân công theo dõi địa bàn thường xuyên theo dõi, đôn đốc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Các ủy viên thường trực và các ủy viên trong Ban Chỉ đạo được thành lập theo chức danh (không theo tên cụ thể) nên công tác chỉ đạo điều hành luôn được thường xuyên, liên tục, không gián đoạn khi có sự thay đổi nhân sự.

Ngay sau sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025⁶; ban hành nhiều văn bản⁷ chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tổ chức triển khai xuyên suốt, hiệu quả, cụ thể: Hoàn thiện quy định về cơ chế, chính sách về quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Chỉ đạo các sở, ban, ngành tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về cơ chế chính sách trong tổ chức triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản hành chính quyết định việc áp dụng đối với các văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định áp dụng đối với 02 Quyết định⁸, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết áp dụng đối với 02 Nghị quyết⁹.

Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh¹⁰. Đồng thời, tỉnh đã thực hiện các thủ tục điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công thuộc các Chương trình của 02 tỉnh Kon

- 2025; Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025.

⁵ Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 08/01/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

⁶ Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 13/8/2025.

⁷ Bao gồm: (1) Công văn số 563/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 về tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh; (2) Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2025, trong đó có giao chỉ tiêu giảm nghèo cho từng xã, phường, đặc khu; (3) Công văn số 604/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 và 2462/UBND-KGVX ngày 25/9/2025 về khẩn trương triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

⁸ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023.

⁹ Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi phân cấp thẩm quyền cho HĐND cấp huyện quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁰ Công văn số 604/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 và số 2462/UBND-KGVX ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh.

Tum và Quảng Ngãi (cũ) thành tỉnh Quảng Ngãi (mới) (bao gồm xử lý chuyển tiếp kế hoạch vốn của cấp huyện khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) theo quy định tại khoản 4, Điều 7, Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ¹¹. Hiện nay, tỉnh đang chỉ đạo¹² 02 Cơ quan chủ trì quản lý 03 Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh tiếp tục phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan: (1) Rà soát, tổng hợp và đề xuất phương án xử lý đối với số vốn sự nghiệp được giao cho các phòng ban của huyện nhưng chưa được cấp huyện xử lý chuyển tiếp trước khi kết thúc hoạt động; (2) Rà soát và đề xuất nhu cầu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình: Chi tiết từng Chương trình tại Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo.

2. Kết quả huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực giai đoạn 2021 - 2025

2.1 Công tác phân bổ, giao dự toán, kế hoạch, sử dụng, giải ngân vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, chi tiết theo vốn đầu tư, kinh phí thường xuyên

Đầu giai đoạn 2021 - 2025, dự toán ngân sách nhà nước phân bổ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo phương thức: (i) Đối với vốn đầu tư công: Trung ương giao tổng vốn, địa phương phân bổ chi tiết theo dự án thành phần và danh mục đầu tư công cụ thể; (ii) Đối với vốn sự nghiệp: Trung ương giao chi tiết đến kế hoạch vốn của các dự án thành phần, địa phương chi tiết đến nội dung, giao nhiệm vụ cụ thể. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, các địa phương gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc chủ động, linh hoạt thực hiện điều chỉnh vốn sự nghiệp theo thực tế triển khai, dẫn đến kết quả giải ngân đạt tỷ lệ thấp. Năm 2024, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Theo đó, việc Quốc hội cho phép Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (*chi thường xuyên*) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (*bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên*) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 đã tạo điều kiện cho địa phương chủ động rà soát, điều chỉnh vốn từ nội dung, dự án không còn đối tượng, không hiệu quả sang dự án có đối tượng nhưng chưa đủ nguồn lực, hoặc dự án, nội dung có khả năng giải ngân vốn nhanh sẽ góp phần tháo gỡ, khắc phục tình trạng giải ngân vốn thấp, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

¹¹ Tại các Nghị quyết: (1) Số 19/NQ-HĐND ngày 22/8/2025, (2) Số 20/NQ-HĐND ngày 22/8/2025, (3) Số 21/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh và các Quyết định: (1) Số 82/QĐ-UBND ngày 17/9/2025, (2) Số 83/QĐ-UBND ngày 17/9/2025, (3) Số 92/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh.

¹² Công văn số 2698/UBND-KTTH ngày 21/9/2025 và số 2817/UBND-KGVX ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh.

Năm 2025, Quốc hội quyết định phân bổ, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách Trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng kinh phí của từng chương trình mục tiêu quốc gia, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần đã tạo sự chủ động cho địa phương trong phân bổ, sử dụng và lồng ghép các nguồn lực trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, hạn chế tình trạng dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn sự nghiệp của từng chương trình.

Đối với việc phân bổ vốn thực hiện theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo từng dự án, tiểu dự án nên tạo sự công bằng, minh bạch trong quá trình thực hiện, tuy nhiên việc phân bổ theo định mức dẫn đến chưa có sự linh động trong điều chỉnh nguồn vốn giữa các dự án, tiểu dự án theo nhu cầu thực tế phát sinh.

2.2. Kết quả cân đối, bố trí, phân bổ, giải ngân vốn ngân sách địa phương

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹³ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, các kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, 2024, 2025, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 5 năm và hằng năm; nhiệm vụ cụ thể theo dự án thành phần từng chương trình. Trên cơ sở dự toán ngân sách Trung ương giao hằng năm thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước cho các sở, ngành và địa phương thực hiện 03 chương trình đảm bảo yêu cầu, tiến độ của Trung ương và đúng theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh¹⁴, cụ thể:

a. Kết quả cân đối, bố trí, phân bổ, giải ngân vốn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình

- Tổng vốn đã giao là 10.984,654 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 8.642,915 tỷ đồng (*trong đó vốn đầu tư là 4.965,846 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 3.677,069 tỷ đồng*).

+ Ngân sách địa phương: 2.341,739 tỷ đồng (*trong đó vốn đầu tư là 1.808,751 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 532,988 tỷ đồng*).

- Kết quả thực hiện giải ngân: Tổng vốn đã giải ngân 6.848,281 tỷ đồng; trong đó: Ngân sách trung ương: 5.608,459 tỷ đồng (*vốn đầu tư là 3.924,176 tỷ đồng, vốn*

¹³ Các Quyết định: Số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022, số 833/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 và số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Kế hoạch số 4362/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ).

¹⁴ Các Nghị quyết: Số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 và số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ); các Nghị quyết: Số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022, số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 và số 23/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ).

sự nghiệp là 1.684,283 tỷ đồng); Ngân sách địa phương là 1.239,822 tỷ đồng (vốn đầu tư là 1.014,079 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 225,743 tỷ đồng).

b. Tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương của từng chương trình

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 516,104 tỷ đồng, bằng 10,14% ngân sách trung ương (5.088,048 tỷ đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 1.582,703 tỷ đồng, gấp 1,29 lần ngân sách Trung ương (1.221,652 tỷ đồng) (trong đó tỉnh Quảng Ngãi (cũ) là 1.208,900 tỷ đồng, gấp 2,5 lần ngân sách Trung ương).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 242,932 tỷ đồng, bằng 10,41% ngân sách Trung ương (2.333,215 tỷ đồng).

2.3. Kết quả huy động nguồn lực khác (tín dụng, huy động nguồn vốn hợp pháp khác)

Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ¹⁵ quy định chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình và các chính sách tín dụng khác của Trung ương, tạo cơ sở để địa phương huy động nguồn vốn tín dụng và các nguồn lực hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa, tăng cường nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện Chương trình; bảo đảm việc huy động, quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành¹⁶ quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Kết quả huy động vốn tín dụng là 821,837 tỷ đồng, từ nguồn vốn doanh nghiệp là 274,377 tỷ đồng, đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng¹⁷ là 59,741 tỷ đồng.

¹⁵ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025.

¹⁶ Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ).

¹⁷ Bao gồm cả hiện vật, sức lao động của người dân tham gia được quy đổi ra tiền.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Nguồn vốn tín dụng chính sách thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 là 583,864 tỷ đồng¹⁸.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Qua 05 năm triển khai đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh đã đạt được những thành tựu quan trọng và toàn diện. Diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc nhờ hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, có tính liên vùng và kết nối chặt chẽ với các vùng phát triển. Công tác đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế được đẩy mạnh, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống và thu nhập của người dân so với bình quân chung cả nước. Công tác quy hoạch, sắp xếp và bố trí ổn định dân cư được thực hiện hiệu quả, góp phần giảm dân số lượng các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn. Các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế và văn hóa được quan tâm phát triển toàn diện, cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Thực hiện tốt công tác giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống đi đôi với xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; chú trọng bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Các phong trào “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”, “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”; Cuộc vận động “*Toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” có sức lan tỏa mạnh mẽ, sâu rộng trong cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

2. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

Sau sáp nhập tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, số lượng đầu mối trực thuộc tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tăng nên cần nhiều thời gian để theo dõi tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện; nhiều công chức cấp xã thay đổi vị trí công tác, trong khi cấp xã còn phải tiếp nhận nhiều nhiệm vụ từ cấp huyện (cũ) nên hoạt động quản lý, theo dõi, tổ chức triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn.

¹⁸ Trong đó nguồn vốn tín dụng thực hiện: Dự án 1 “Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt” là 163,009 tỷ đồng; Dự án 2: “Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết” là 20,475 tỷ đồng; Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3: “Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” là 400,380 tỷ đồng.

a) Đối với vốn đầu tư công: Nhiều công trình/dự án phải thực hiện rà soát, điều chỉnh; việc triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn năm 2025.

b) Đối với vốn sự nghiệp: (i) Một số nội dung của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia¹⁹ không còn đối tượng hỗ trợ²⁰; (ii) Cơ chế thực hiện hỗ trợ trong năm 2025 khó thực hiện²¹; (iii) Định mức hỗ trợ thực hiện một số nội dung các Chương trình mục tiêu quốc gia thấp, không khuyến khích các đối tượng tham gia²².

c) Các xã gặp khó khăn trong thực hiện một số tiêu chí nông thôn mới như: (i) Về quy hoạch, sau sáp nhập, quy hoạch tổng thể của các xã cũ có thể không còn phù hợp, phải rà soát, điều chỉnh lại, gây tốn kém thời gian và nguồn lực; (ii) Về giao thông: Tổng chiều dài đường giao thông (trục xã, liên xã, đường xóm, ngõ xóm) tăng lên đáng kể, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn để nâng cấp, mở rộng và bê tông hóa đạt chuẩn; (iii) Về tiêu chí Thu nhập và giảm nghèo: Các xã sáp nhập thường có sự chênh lệch về mức sống (thu nhập), tỷ lệ hộ nghèo. Việc nâng cao thu nhập bình quân đầu người và giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống mức quy định của tiêu chí nông thôn mới là một thách thức lớn; (iv) Về tiêu chí môi trường: Việc quản lý môi trường, thu gom và xử lý rác thải trở nên phức tạp hơn do địa bàn sau sáp nhập rộng lớn hơn và dân cư có thể sống phân tán, gây khó khăn trong công tác tổ chức và triển khai các giải pháp môi trường.

PHẦN II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN ĐẾN

I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện Chương trình là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội theo phương châm đảm bảo tính kế thừa, phát triển, phù hợp với quy hoạch tỉnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030.

2. Phát triển kinh tế nông thôn là nền tảng, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

¹⁹ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

²⁰ Đối tượng đào tạo nghề, đào tạo sau đại học, đào tạo tập huấn..., hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy kinh doanh khởi nghiệp...

²¹ Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trong năm 2025 còn rất ít thời gian thực hiện và sẽ thu hồi vốn trong năm 2025 nên không có đối tượng đăng ký tham gia dự án.

²² Như: Hỗ trợ mức tiền ăn cho đối tượng đào tạo nghề, mức hỗ trợ phát triển sản xuất...

3. Bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng các dịch vụ cơ bản, hạ tầng thiết yếu và cơ hội phát triển bền vững cho mọi người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo với phương châm “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với các vùng khác. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số; nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, nhất là các vùng chiến lược, biên giới và hải đảo.

2. Chỉ tiêu đến năm 2030

- Phân đầu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.
- Có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có khoảng 2% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.
- Trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.
- Phân đầu cơ bản không còn hộ nghèo.
- 100% hộ dân tộc thiểu số đủ đất ở, đất sản xuất theo định mức.
- Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về ý nghĩa, mục đích, sự cần thiết của Chương trình để tạo sự đồng thuận và hưởng ứng của toàn xã hội.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của các cơ quan trong hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện Chương trình

Các cấp ủy, nhất là người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình theo hướng phối hợp đồng bộ, hiệu quả việc triển khai Chương trình với các chương trình, dự án khác, nhất là các chính sách dân tộc tại địa phương, đơn vị; chủ động tích hợp, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào nghị quyết, chương trình hành động và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, giai đoạn của địa phương. Tiến hành xây dựng khung kế hoạch, lộ trình thực hiện và giao chỉ tiêu, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tổ chức gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Xác định kết quả thực hiện Chương trình là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại hằng quý, hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá sát tình hình thực hiện Chương trình từ khâu chuẩn bị đến triển khai theo từng nội dung, tiêu chí cụ thể để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và có giải pháp linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu đề ra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lãng phí. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Thành lập, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng tập trung, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ tham mưu triển khai Chương trình, nhất là cấp cơ sở, gắn với quy hoạch, đào tạo, chuẩn hóa và phát triển nguồn cán bộ tại chỗ, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường trách nhiệm và trao quyền chủ động cho địa phương trong tổ chức thực hiện các chính sách đặc thù; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

Nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình. Đổi mới, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, nhất là Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 – 2030”, Phong trào “Cả nước chung tay phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030”, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi nếp nghĩ, cách làm để vươn lên thoát nghèo bền vững, gắn với xây dựng và nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong thực hiện Chương trình nhằm tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng về xây dựng nông thôn

mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Xây dựng kế hoạch thực hiện, bảo đảm sát nhu cầu thực tế, cân đối, bố trí ngân sách địa phương hợp lý, hiệu quả. Chú trọng bố trí ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện tín dụng chính sách thông qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của nguồn vốn tín dụng chính sách từ Ngân hàng Chính sách xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác, trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

Thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia khác, các Chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu và các nguồn vốn khác trên địa bàn để bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút và huy động các nguồn lực hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ

Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đúng mục tiêu, đúng đối tượng; không để xảy ra tình trạng trùng lặp, thất thoát, lãng phí. Ưu tiên các nguồn lực cho hạ tầng thiết yếu, nhất là hệ thống giao thông, điện, nước sinh hoạt, viễn thông... tạo động lực phát triển; đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới xây dựng nông thôn mới thông minh, hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; tập trung đầu tư giao thông liên thôn, liên xã, đường đến trung tâm xã, gắn xây dựng hạ tầng với phát triển sinh kế, sản xuất hàng hóa, du lịch cộng đồng, kinh tế rừng; quan tâm bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, đầu tư trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe, thụ hưởng văn hóa của người dân ở cơ sở.

Tiếp tục giải quyết căn bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho đối tượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Đẩy mạnh đầu tư các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo để người dân định canh định cư, đảm bảo đất sản xuất, yên tâm sản xuất và ổn định cuộc sống lâu dài và an cư lạc nghiệp.

Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế - xã hội và thích ứng với thị trường. Ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành

sản xuất tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc; chú trọng xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP phù hợp nhu cầu, đặc sản vùng miền. Chú trọng thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi, nhất là các dự án sản xuất, chế biến nông - lâm sản, phát triển du lịch sinh thái, tạo việc làm tại chỗ cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững. Ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Có chính sách khuyến khích, thu hút trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo gắn với điều kiện thực tiễn địa phương.

5. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; chăm sóc sức khỏe, dân số; phát triển văn hoá trên địa bàn tỉnh

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học và giáo dục thường xuyên; tập trung nguồn lực đầu tư kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên; bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục, tổ chức các điểm trường nội trú, bán trú bảo đảm điều kiện học tập tốt nhất cho học sinh ở các xã biên giới.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh ở các tuyến, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế cơ sở, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; góp phần xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và bền vững.

Chú trọng thực hiện và huy động các tổ chức, cá nhân trong xã hội tích cực tham gia thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm lo đời sống đối với các đối tượng yếu thế, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, tạo môi trường lành mạnh để trẻ phát triển toàn diện. Hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật. Bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội.

Chú trọng phục hồi, bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 – 2030. Tiếp tục khôi phục, lưu giữ bí quyết nghề nghiệp và phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của các nghề truyền thống (dệt, đan lát, làm rượu cần, rèn...) trong cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ và phát triển thành hàng hóa. Phát huy giá trị của di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, gắn với phát triển du lịch nông thôn.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của Nhân dân trong xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới

Nâng cao chất lượng, hiệu quả Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự theo hướng xã hội hóa với nhiều hình thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải tại cộng đồng phù hợp với đặc điểm vùng, miền, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh, trật tự khu vực nông thôn.

Chú trọng công tác phòng, chống tệ nạn xã hội phù hợp với tình hình phát triển của xã hội. Trong đó, thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, khiếu kiện để kích động, gây rối an ninh trật tự; tăng cường đấu tranh phòng, chống âm mưu diễn biến hòa bình, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Xây dựng các khu dân cư biên giới vững mạnh, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ; chú trọng phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở.

Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

Nơi nhận:

- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- VPTU: CVP, PCVP, P. TH;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

U Huấn